

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24/9/2021
V/v: Chia tài sản chung sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào Vi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân;
2. Ông Nguyễn Văn Vy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phương Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H (Số 60 đường Nguyễn Huệ, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 161/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng C, sinh năm 1989; Địa chỉ: Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế- 16 Lê Lợi, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Bị đơn: Anh Hồ Sỹ T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Căn hộ chung cư số 612, tầng 6, tòa nhà CT1, Khu ĐTM An Vân Dương, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2021, bản tự khai ngày 07/5/2021 của chị Nguyễn Thị Mộng C và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của chị Nguyễn Thị Mộng C tại phiên tòa đã xác định như sau:

Chị Nguyễn Thị Mộng C và ông Hồ Sỹ T trong quá trình hôn nhân có tạo lập được khối tài sản chung là căn hộ chung cư thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Lô đất CHC1 thuộc Khu A- Khu ĐTM An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: Căn hộ chung cư số 612 tại Tầng 6, tòa nhà

CT1, diện tích 50,67m², giá trị tranh chấp theo biên bản định giá ngày 03/8/2021 là 502.502.000 đồng. Vào ngày 01/10/2020 Tòa án nhân dân thành phố H đã ban hành Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mộng C và anh Hồ Sỹ T, về con chung giao cháu Hồ Thị Cẩm L, sinh ngày 25/10/2016 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết (Trích theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 484/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/10/2020). Sau khi ly hôn giữa chị C và anh T đã không tự thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung, anh T đang ở tại căn hộ chung cư còn chị phải đi thuê trọ ở cùng con gái. Vì vậy chị Cẩm khởi kiện yêu cầu được chia tài sản nêu trên theo quy định của pháp luật và xin được nhận hiện vật còn giao giá trị chênh lệch cho anh Hồ Sỹ T với số tiền là: 251.251.000 đồng.

- Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ, niêm yết công khai Thông báo thụ lý, giấy triệu tập nhiều lần và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh Hồ Sỹ T, tuy nhiên anh Hồ Sỹ T đều vắng mặt và chỉ khai tất cả các thông báo của Tòa án về sau gửi theo địa chỉ Phòng 612 chung Aranya, phường X, thành phố H là nơi anh đang ở, còn về yêu cầu khởi kiện của chị C thì không có lời khai của anh Hồ Sỹ T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký, các bên đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có kiến nghị gì cần khắc phục.

- Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, chia đôi số tài sản trên theo hướng giao cho chị C quản lý và sử dụng căn hộ chung cư nêu trên để ổn định cuộc sống của chị C và cháu L, chị C phải thanh toán lại cho anh Hồ Sỹ T tổng số tiền là: 251.251.000 đồng (theo biên bản định giá tài sản ngày 03/8/2021).

- Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc các bên đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án này là tranh chấp tài sản chung sau ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật

tổ tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân thành phố H là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Hồ Sỹ T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về tài sản chung xác định được: Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mộng C và anh Hồ Sỹ T có tạo lập được căn hộ chung cư thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Lô đất CHC1 thuộc Khu A- Khu ĐTM An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: Căn hộ chung cư số 612 tại Tầng 6, tòa nhà CT1, diện tích 50,67m², giá trị tranh chấp theo biên bản định giá ngày 03/8/2021 là 502.502.000 đồng. Hiện nay căn hộ này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho anh Hồ Sỹ T và chị Nguyễn Thị Mộng C.

Xét về yêu cầu chia tài sản chung của chị C, thấy rằng: Theo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ, lời khai của chị C, quá trình Tòa án điều tra, xác minh thu thập chứng cứ, đã có cơ sở xác định: Trong quá trình chung sống chị C có nghề nghiệp là cán bộ, anh T là giảng viên đại học cùng có công sức đóng góp vào việc tạo lập, tôn tạo, duy trì khối tài sản chung như nhau. Theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 “ Việc giải quyết quan hệ tài sản phải đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con” . Hiện tại do chị C đang nuôi con nhỏ, phải thuê nhà ở trọ, do đó yêu cầu chia tài sản chung của chị C là có căn cứ. Áp dụng Điều 16, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 210 Bộ luật Dân sự năm 2015 cần chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị C. Giao căn hộ chung cư thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Lô đất CHC1 thuộc Khu A- Khu ĐTM An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: Căn hộ chung cư số 612 tại Tầng 6, tòa nhà CT1, diện tích 50,67m², giá trị tranh chấp theo biên bản định giá ngày 03/8/2021 là 502.502.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Mộng C được quyền sử dụng, sở hữu. Chị C phải giao $\frac{1}{2}$ giá trị chênh lệch của tài sản chung với số tiền là: 251.251.000 đồng cho anh Hồ Sỹ T khi bản án có hiệu lực pháp luật. Chị Nguyễn Thị Mộng C được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với tài sản nêu trên.

Anh Hồ Sỹ T được quyền lưu cư tại căn hộ nêu trên trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn sáu tháng anh Hồ Sỹ T phải có nghĩa vụ bàn giao căn hộ nêu trên cho chị Nguyễn Thị Mộng C.

[3] Về chi phí định giá tài sản đã chi phí hết số tiền 3.300.000 đồng. Chị C tự nguyện chịu toàn bộ và chị C đã nộp đủ số tiền 3.300.000 đồng.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn chịu án phí chia tài sản chung là: 251.251.000 đồng x 5%= 12.562.550 đồng (Làm tròn 12.562.000 đồng)

Buộc bị đơn anh Hồ Sỹ T phải chịu án phí chia tài sản chung là 251.251.000 đồng x 5%= 12.562.550 đồng (Làm tròn 12.562.000 đồng)

Chị Nguyễn Thị Mộng C đã nộp tạm ứng án phí là: 3.750.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0002378 ngày 30/3/2021 tại Chi cục thi hành án thành phố H. Nay chị C phải nộp thêm số tiền án phí là: 8.812.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 16, Điều 59, Điều 63 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 210, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về tài sản chung: Giao căn hộ chung cư thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Lô đất CHC1 thuộc Khu A- Khu ĐTM An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: Căn hộ chung cư số 612 tại Tầng 6, tòa nhà CT1, diện tích 50,67m², giá trị tranh chấp theo biên bản định giá ngày 03/8/2021 là 502.502.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Mộng C được quyền sử dụng, sở hữu. Chị Cẩm phải giao $\frac{1}{2}$ giá trị chênh lệch của tài sản chung với số tiền là: 251.251.000 đồng cho anh Hồ Sỹ T khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị Mộng C được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với tài sản nêu trên.

Anh Hồ Sỹ T được quyền lưu cư tại căn hộ nêu trên trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn sáu tháng anh Hồ Sỹ T phải có nghĩa vụ bàn giao căn hộ nêu trên cho chị Nguyễn Thị Mộng C.

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn chịu án phí chia tài sản chung là: 251.251.000 đồng x 5% = 12.562.550 đồng (Làm tròn 12.562.000 đồng)

Buộc bị đơn anh Hồ Sỹ T phải chịu án phí chia tài sản chung là 251.251.000 đồng x 5% = 12.562.550 đồng (Làm tròn 12.562.000 đồng)

Chị Nguyễn Thị Mộng C đã nộp tạm ứng án phí là: 3.750.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0002378 ngày 30/3/2021 tại Chi cục thi hành án thành phố H. Nay chị Cẩm phải nộp thêm số tiền án phí là: 8.812.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- CCTHADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA;
- Lưu: AV.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào Vi